PHILIPS

Chiếu sáng dân dụng

Bảng giá
Đèn dân dụng

Tháng 1.2019

Bóng LED bulb

Bóng LED bulb MyCare 6
Bóng LED bulb Essential 7
Bóng LED bulb Hi-lumen 8

Bóng LED trụ

Bóng LED trụ công suất cao 9

Bóng LED MR16, PLC

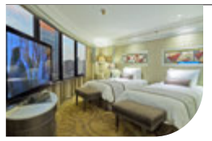

Bóng LED MR16 Essential 10
Bóng LED PLC 2 pin 11

Bóng LED Stick

Bóng LED Stick 12

Bóng LED tuýp

Bóng LED tuýp Ecofit/Ecofit HO 13
Bóng LED tuýp Essential T5 Mains 14

Bóng LED TrueForce

Bóng LED
TrueForce Post-top/Highbay 15

Bộ máng đèn LED T8

LED Batten BN016C 17
LED Batten BN012C 17

Bộ máng đèn LED T5

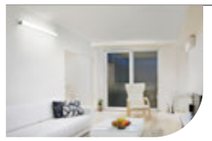

Slimline LED Batten (3117x series) 18
LED Batten BN058C 19
LED Batten BN068C 19

Bộ đèn LED âm trần

Smalu (5906x series) 20
DN027B (Tròn, lắp âm trần) 21
DN027B (Vuông, lắp âm trần) 21
DN027C (Tròn, lắp nổi) 22
Eridani 22
Meson (5920x series) 22
Marcasite (5952x & 5953x series) 23
Chóa đèn downlight 23
Kyanite (5975x series) 24
Pomeron (5977x series) 24

Bộ đèn LED ốp trần

Bộ đèn LED ốp trần Moire & Twirly 25
Đèn LED dây 26

Bộ đèn pha LED/Cao áp

Đèn pha LED myGarden (1734x series) 27
Đèn pha LED BVP13x 28
Đèn pha cao áp ConTempo 29

Bóng huỳnh quang

Bóng compact Genie 31
Bóng compact Essential 31
Bóng compact Tornado 31
Bóng tuýp huỳnh quang T8 tiêu chuẩn 33
Bóng tuýp huỳnh quang T8 siêu sáng 33
Bóng tuýp huỳnh quang T5 Essential 33

Bóng cao áp

Bóng cao áp Sodium 34
Bóng cao áp Metal 35

Tăng phô/Chuột đèn/Biến áp

Tăng phô cho bóng huỳnh quang T5 & T8 36
Chuột đèn huỳnh quang 36
Biến áp điện tử đèn LED 37
Biến áp đèn Halogen 37

Bộ điện đèn cao áp

Tăng phô điện từ đèn cao áp Mercury/Metal halide BHL 38
Tăng phô điện từ đèn cao áp Sodium/Metal halide CWA 39
Kích đèn cao áp 39
Tụ điện đèn cao áp 39

Đèn bàn

Đèn bàn Philips LED LeverPlus 40
Đèn bàn Philips LED Compass 41
Đèn bàn Philips LED Donut 42
Đèn bàn Philips LED Kapler 43
Đèn bàn Philips LED Jabiru 44
Đèn bàn Philips LED Cap + FDS 45
Đèn bàn Philips LED Pear + Pearl 46

Chọn đèn như thế nào cho **đúng**?

Ngày nay, công nghệ chiếu sáng LED đã trở nên rất phổ biến. Trong bối cảnh nhiều thương hiệu và mức giá khác nhau, người tiêu dùng cần lưu ý những đặc điểm sau để chọn được sản phẩm đèn LED tốt nhất cho gia đình.

1 Chọn chất lượng nguồn sáng hay giá tiền?

2 Có nên chọn đèn theo công suất?

3 Chọn màu ánh sáng như thế nào?

4 Tuổi thọ của đèn

1. Chọn **chất lượng nguồn sáng** hay **giá tiền**?

- Chất lượng nguồn sáng là tiêu chí đầu tiên cần quan tâm khi chọn đèn.
- Chất lượng nguồn sáng của đèn **Philips** được thể hiện qua nhiều thông số và tính năng như:

Chất lượng sáng cao

Êm dịu cho mắt

An toàn quang sinh học

Tiết kiệm điện năng

Trong **125 năm** qua **PHILIPS** không ngừng tạo ra các **CUỘC CÁCH MẠNG CHIẾU SÁNG**

Chúng tôi **tiên phong thế giới** về **Ánh sáng Điện tử, LED** và **đang dẫn đầu** về Giải pháp **Chiếu sáng Thông minh**

Sản phẩm **Philips** dù sản xuất ở đâu đều luôn tuân thủ quy trình sản xuất và kiểm định nghiêm ngặt để bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, chất lượng sản phẩm đồng đều.

Chọn **Philips,** bạn hoàn toàn yên tâm đã chọn chất lượng từ thương hiệu đèn có uy tín trên toàn thế giới.

2. Có nên chọn đèn theo **công suất**?

- **Công suất** (watt) cho biết khả năng tiêu thụ điện của đèn.
- **Quang thông** (đo bằng lumen, viết tắt: lm) cho biết lượng ánh sáng phát ra từ một bóng đèn. Đây mới là thông số cần quan tâm khi lựa chọn đèn.
- Người dùng thường có thói quen chọn đèn theo **"watt"**, nhưng thực ra **"lumen"** (độ sáng) mới là yếu tố quan trọng.
- Đèn có chỉ số **"lumen"** cao nhưng "**watt"** thấp mới là sản phẩm tiết kiệm điện đúng nghĩa.
- Philips luôn đầu tư nghiên cứu **giải pháp tiết kiệm điện** theo xu hướng công nghệ mới nhất nhằm giảm điện năng tiêu thụ nhưng vẫn duy trì độ sáng chuẩn.

Cùng độ sáng nhưng bóng **LED bulb Essential** tiết kiệm điện hơn rất nhiều so với các loại bóng khác

Bóng dây tóc	Bóng huỳnh quang compact (CFL)		Bóng LED bulb Essential
30W	5W	→	3W
50W	8W	→	5W
63W	12W	→	7W
80W	15W	→	9W
95W	20W	→	11W

3. Chọn **màu ánh sáng** như thế nào?

Tùy vào mục đích sử dụng và môi trường sử dụng mà chọn màu ánh sáng phù hợp. Có 3 nhóm màu ánh sáng thường gặp

Ánh sáng vàng (cách viết khác: WW, Warm White)	**Ánh sáng trung tính** (cách viết khác: NW, Neutral White)	**Ánh sáng trắng** (cách viết khác: CW, CDL, Cool Daylight)
2700K - 3000K	4000K - 4500K	6500K
Tạo ra môi trường ấm cúng, trang trọng, thậm chí lãng mạn (ví dụ: khách sạn, nhà hàng)	Tạo ra môi trường thoải mái nơi có thể tập trung làm việc liên tục nhiều giờ liền (ví dụ: văn phòng, phòng họp)	Tạo ra môi trường năng động, hứng khởi cho các hoạt động sinh hoạt hằng ngày

4. **Tuổi thọ** của đèn

Tuổi thọ đèn LED trên thị trường đang được công bố không theo một quy chuẩn thống nhất dẫn đến gây hiểu lầm cũng như bất lợi cho người dùng. Dưới đây là một vài lưu ý về tuổi thọ của đèn LED:

- **Tuổi thọ đèn LED phải được tính là tuổi thọ của cả bộ đèn** chứ không phải là tuổi thọ của một thành phần trong đèn. Một số sản phẩm chỉ công bố tuổi thọ của chip LED (có khi lên đến 30.000-40.000 giờ) trong khi các bộ phận khác trong đèn có tuổi thọ ít hơn và sớm hỏng hóc làm cho cả bộ đèn không còn sáng nữa.
- **Khác với các loại đèn truyền thống** (dây tóc, huỳnh quang), **đèn LED không bị "cháy"** (tắt hoặc không sáng) **mà chỉ "mờ dần"**. Đèn LED Philips công bố tuổi thọ theo mức tối thiểu là L70 (cho đèn dân dụng), tức là đèn vẫn giữ được ít nhất 70% độ sáng (lumen) ở thời điểm kết thúc tuổi thọ đã được công bố.
- **Tuổi thọ của đèn LED sẽ khác nhau** nếu áp dụng mức lumen tối thiểu khác nhau. Một sản phẩm được công bố tuổi thọ cao chưa chắc đã tốt hơn sản phẩm khác.

Vì sao nên chọn **Philips LED?**

- Ánh sáng êm dịu, bảo vệ mắt
- Không bị chói và nhấp nháy
- Chất lượng sáng cao
- Tiết kiệm điện năng
- Bật sáng tức thì
- An toàn quang sinh học

Cách đọc thông số trên bao bì

Bóng LED bulb **MyCare**

Chăm sóc đôi mắt của bạn

Ưu điểm nổi bật

Êm dịu cho mắt nhờ công nghệ Tán Quang Xen Kẽ giúp ánh sáng phân bổ đồng đều hơn

An toàn quang sinh học
theo tiêu chuẩn IEC 62471:2006

Không phát ra âm thanh khó chịu
so với các sản phẩm cùng loại

Ứng dụng chung

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

220–240 V | 15,000 H

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
LED bulb 3/3.5-25W E27 P45 (APR)	P45	250	3000/6500	3-3.5	12	52.400 đ
LED bulb 4-40W E27 P45 (APR)	P45	350	3000/6500	4	12	60.000 đ
LED bulb 4W E27 1CT/12 APR	A60	420	3000/6500	4	12	76.000 đ
LED bulb 6W E27 1CT/12 APR	A60	560/580	3000/6500	6	12	88.900 đ
LED bulb 8W E27 1CT/12 APR	A60	770	3000/6500	8	12	99.600 đ
LED bulb 10W E27 1CT/12 APR	A60	1020	3000/6500	10	12	143.500 đ
LED bulb 12W E27 1CT/12 APR	A60	1360	3000/6500	12	12	165.000 đ

Bóng LED bulb **Essential**

Tiết kiệm điện, chất lượng sáng cao

Ưu điểm nổi bật

Tiết kiệm đến 88% điện năng
so với bóng đèn dây tóc

Độ sáng (lumen) cao hơn
Công suất thấp hơn

Chất lượng sáng cao
với chi phí hợp lý

Ứng dụng chung

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

220–240 V | 8,000 H | CRI 70

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
ESS LED bulb 3W E27 A60 APR	A60	280/300	3000/6500	3	12	45.000 đ
ESS LED bulb 5W E27 A60 APR	A60	460/480	3000/6500	5	12	55.700 đ
ESS LED bulb 7W E27 A60 APR	A60	660	3000/6500	7	12	77.100 đ
ESS LED bulb 9W E27 A60 APR	A60	900	3000/6500	9	12	86.700 đ
ESS LED bulb 11W E27 A60 APR	A60	1150/1230	3000/6500	11	12	129.600 đ

Bóng LED bulb **Hi-lumen**

Vận hành 24/7 kể cả khi điện áp thấp (90V)

A67

A80

Ưu điểm nổi bật

Bóng LED độ sáng cao
Thay thế bóng compact công suất cao

Chất liệu nhựa cao cấp
Hạn chế vỡ và chống côn trùng xâm nhập

Tiết kiệm đến 60% điện năng so với bóng compact
và 30% so với bóng LED khác

Ứng dụng chung

Nhà ở

Cửa hàng

Khu công nghiệp

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

220-240 V | 10,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
LED bulb Hi-lumen 20W E27 A67	A67	1700/1800	3000/6500	20	6	154.200 đ
LED bulb Hi-lumen 24W E27 A80	A80	2300	6500	24	6	206.700 đ
LED bulb Hi-lumen 32W E27 A80	A80	3000	6500	32	6	231.000 đ

Bóng LED trụ **công suất cao**

Hiệu năng cao, chi phí đầu tư thấp

Ưu điểm nổi bật

Giải pháp LED thay thế trực tiếp
cho bóng cao áp/huỳnh quang compact công suất cao

Tuổi thọ 20.000 giờ
Vận hành bền bỉ

Ứng dụng chung

Khu dân cư

Khu thương mại

Khu công nghiệp

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

220-240 V | 20,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng Rộng x Cao (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
TForce Core HB 28-30W E27 865	100 x 190	2800	6500	30	6	247.500 đ
TForce Core HB 40-40W E27 865	100 x 190	4000	6500	40	6	360.000 đ
TForce Core HB 50-50W E27 865	120 x 230	5000	6500	50	6	491.700 đ

Bóng LED MR16 **Essential**

Giải pháp thay thế cho bóng Halogen

Ưu điểm nổi bật

Thiết kế phù hợp với chiếu điểm
và chiếu sáng chức năng

Tiết kiệm điện năng
Thay thế bóng Halogen 35W hoặc 50W

Thân thiện với môi trường
Không chứa vật liệu độc hại

Ứng dụng chung

Nhà ở | Cửa hàng | Khách sạn

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

12 V | 15,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Góc chiếu (Độ)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
Essential LED 3-35W	24	240	2700	3	10	147.800 đ
Essential LED 3-35W	24	260	6500	3	10	147.800 đ
Essential LED 5-50W	24	415	2700	5	10	159.600 đ
Essential LED 5-50W	24	460	6500	5	10	159.600 đ

Bóng LED **PLC 2 pin**

Thay thế bóng PLC truyền thống

Ưu điểm nổi bật

Thay thế hoàn hảo
cho bóng PLC truyền thống

Tuổi thọ cao đến 30.000 giờ
Hiệu năng tối ưu 100 lm/watt

Lắp đặt dễ dàng
với khả năng đảo chiều

Ứng dụng chung

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Khu công nghiệp

Lắp đặt

Ngắt nguồn | Tháo bóng cũ | Thay bóng LED PLC | Bật nguồn

**Sản phẩm hoạt động với tăng phô điện tử (Vui lòng kiểm tra danh sách tương thích)*

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

220-240 V | 30,000 H | CRI 83

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng Rộng x Cao (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
LED PLC 6.5W 830/840/865 2P G24d-2	33.4 x 147.1	700	3000/4000/6500	6.5	10	289.200 đ
LED PLC 8.5W 830/840/865 2P G24d-3	33.4 x 170.1	1000	3000/4000/6500	8.5	10	336.400 đ

Bóng LED **Stick**

Bóng dạng trụ thay thế bóng compact

Ưu điểm nổi bật

Kích thước nhỏ gọn
Tiện thay thế cho bóng compact trong các bộ đèn âm trần nhỏ

Chất lượng sáng cao, êm dịu cho mắt
Đạt chuẩn IEC 62471 về an toàn quang sinh học

Ánh sáng phân bổ rộng nhờ thiết kế tấm tán quang đặc biệt
tạo hiệu ứng ánh sáng tương tự bóng compact

Ứng dụng chung

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng | Khách sạn

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

220-240 V | 15,000 H

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng Rộng x Cao (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
LED Stick 7.5W E27	38 x 117	750/806	3000/6500	7.5	12	**117.800 đ**
LED Stick 11W E27	45 x 137	1055/1150	3000/6500	11	12	**150.000 đ**

Bóng LED tuýp **Ecofit/Ecofit HO**

Thay thế bóng tuýp huỳnh quang

Ưu điểm nổi bật

Chất lượng sáng cao
Êm dịu cho mắt

Tiết kiệm điện đến 55%
so với bóng huỳnh quang thường

Lắp đặt an toàn cao
Đấu dây 1 đầu theo chuẩn quốc tế IEC

An toàn hơn với LED tuýp Philips

Thiết kế của Philips vừa tương thích với mọi kiểu đi dây (1 đầu và 2 đầu) và an toàn về điện vì không có dòng điện giữa 2 đầu đèn

Phương pháp đấu dây 1 đầu của LED tuýp Philips đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn Quốc tế **IEC** về điện

Ứng dụng chung

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng | Trường học | Khu công nghiệp

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

220-240 V | 15,000 H | CRI 70

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng Dài (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị (kèm chuột)
LED Tube 8W 740/765 T8 AP SL G	600	800	4000/6500	8	10	**85.700 đ**
LED Tube 16W 740/765 T8 AP SL G	1200	1600	4000/6500	16	10	**107.100 đ**
LED Tube HO 10W 730/740/765 T8 AP SL G	600	1050	3000/4000/6500	10	10	**116.700 đ**
LED Tube HO 20W 730/740/765 T8 AP SL G	1200	2100	3000/4000/6500	20	10	**152.100 đ**

Bóng LED tuýp **Essential T5 Mains**

An toàn cao với thiết kế đầu đèn cải tiến

Ưu điểm nổi bật

- **Quang thông đến 2100 lm**
  cho loại bóng dài 1,2m
- **Tiết kiệm điện đến 60%**
  so với bóng huỳnh quang thường
- **Tuổi thọ lên đến 30.000 giờ**
- **Sử dụng dòng điện trực tiếp**
  với dải điện áp rộng 100-240V

Phương pháp đấu dây 1 đầu của LED tuýp Philips đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn Quốc tế **IEC** về điện

Ứng dụng chung

Nhà ở · Cửa hàng · Văn phòng · Trường học · Khách sạn · Khu công nghiệp

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

110-240 V · 30,000 H · CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng Dài (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
Essential LEDtube 8W 830/840/865 G5 I APR	600	950/1050	3000/4000/6500	8	20	399.600 đ
Essential LEDtube 16W 830/840/865 G5 I APR	1200	1950/2100	3000/4000/6500	16	20	567.800 đ

Bóng LED TrueForce **Post-top/Highbay**

Giải pháp LED thay thế trực tiếp bóng cao áp

Ưu điểm nổi bật

- **Giải pháp LED thay thế trực tiếp**
  cho bóng cao áp trong ứng dụng Post-top và Highbay
- **Tuổi thọ bền lâu**
  Sử dụng trong bộ đèn kín với Tcase lên đến 80ºC (Post-top)
- **Tiết kiệm đến 74% điện năng**
  LED 33W so với HPL 125W (Post-top)

Ứng dụng chung

Đường phụ · Khu dân cư · Khu thương mại & lối đi bộ · Công viên, quảng trường · Khu công nghiệp

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

CRI 70

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng Rộng x Cao (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Điện áp (V)	Tuổi thọ (giờ)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
Post-top								
TForce LED HPL ND 29-25W E27 740 FR	84 x 178	2900	4000	25	220-240	50000	6	2.076.400 đ
TForce LED HPL ND 32-25W E27 740 CL	84 x 178	3200	4000	25	220-240	50000	6	2.076.400 đ
TForce LED HPL ND 44-33W E27 740 FR	84 x 178	4400	4000	33	220-240	50000	6	2.308.900 đ
TForce LED HPL ND 48-33W E27 740 CL	84 x 178	4800	4000	33	220-240	50000	6	2.308.900 đ
Highbay								
TForce Core HB 200-160W E40 840 NB/WB GM	211 x 252	20000	4000	160	110-277	25000	2	5.336.700 đ
TForce Core HB 200-160W E40 865 NB/WB GM	211 x 252	20000	6500	160	110-277	25000	2	5.336.700 đ

Bộ máng đèn LED **T8**

Tích hợp bộ điện, thay thế máng đèn huỳnh quang

Ưu điểm nổi bật

Thiết kế thanh lịch, đầu đèn mỏng
Không thấy điểm đen khi kết nối liên tục nhiều đèn

Lắp đặt dễ dàng và linh hoạt
Dây nối thông minh kèm theo móc cài hỗ trợ lắp nổi trên tường hoặc treo trần

Kết cấu chắc chắn
Vỏ đèn bằng nhựa tổng hợp nguyên khối đảm bảo độ an toàn cao

Các sản phẩm đang được ưa chuộng

Bộ máng đèn LED T8

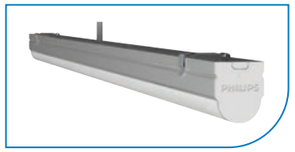

BN016C

Bộ máng đèn LED T8

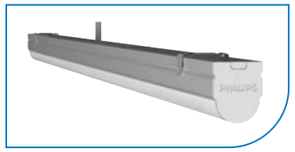

BN012C

Ứng dụng chung

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng | Trường học | Khu công nghiệp | Bãi đỗ xe

LED Batten BN016C

Chất lượng sáng vượt trội, tiết kiệm hơn

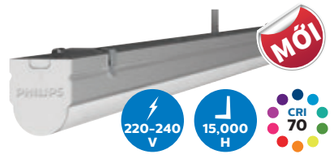

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Dài (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
BN016C LED8 L600	600	800	4000/6500	8	25	166.000 đ
BN016C LED16 L1200	1200	1600	4000/6500	16	25	230.300 đ

+ Chất liệu & màu sắc: *Trắng, vỏ đèn bằng nhựa tổng hợp nguyên khối*
+ Tính năng nâng cao: *Thiết kế quang học tối ưu chống bị đốm sáng, có thể lắp cáp nguồn từ mọi vị trí*

LED Batten BN012C

Tiết kiệm hơn, sáng lâu hơn

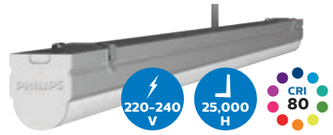

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Dài (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
BN012C LED10 L600	600	1000	3000/4000/6500	10	25	206.700 đ
BN012C LED20 L1200	1200	2000	3000/4000/6500	20	25	288.200 đ

+ Chất liệu & màu sắc: *Trắng, vỏ đèn bằng nhựa tổng hợp nguyên khối*
+ Tính năng nâng cao: *Có thể lắp nối tiếp nhiều đèn với đầu cắm đực & cái, cáp nguồn từ giữa hoặc một đầu*

Bộ máng đèn LED **T5**

Thay thế máng đèn huỳnh quang T5

Ưu điểm nổi bật

Thiết kế nguyên khối, đầu đèn mỏng
Không thấy điểm đen khi kết nối liên tục nhiều đèn

Lắp đặt dễ dàng và linh hoạt
Có thể lắp tiếp nối nhiều đèn

Ánh sáng chất lượng cao
Tấm tán quang chất lượng cao giúp ánh sáng phân bổ đồng đều

Ứng dụng chung

Nhà ở · Cửa hàng · Văn phòng · Khách sạn · Trường học

Slimline LED Batten (3117x series)

Thay thế trực tiếp cho đèn T5 truyền thống

220-240 V · 20,000 H · CRI 80

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Dài x Rộng x Cao (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
31171 Slimline 10W wall lamp LED	594 x 22 x 34	800/900	3000/6500	10	20	185.300 đ
31170 Slimline 20W wall lamp LED	1196 x 22 x 34	1700/1800	3000/6500	20	20	265.700 đ

+ Chất liệu & màu sắc: *Trắng, vỏ đèn bằng nhựa tổng hợp nguyên khối*
+ Tính năng nâng cao: *Ánh sáng êm dịu bảo vệ mắt, không bị chói và nhấp nháy*

LED Batten BN058C

Chất lượng sáng cao, hiệu suất vượt trội

220-240 V · 15,000 H · CRI 70

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Dài (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
BN058C LED3 L300	300	300	3000/4000/6500	3.4	24	110.300 đ
BN058C LED5 L600	600	600	3000/4000/6500	6.5	24	141.400 đ
BN058C LED9 L900	900	900	3000/4000/6500	9.6	24	174.600 đ
BN058C LED11 L1200	1200	1200	3000/4000/6500	13	24	206.700 đ
ZCH086 C-2 (cấp nguồn)					20	19.200 đ
ZCH086 CCPA (dây nối, 260mm)					20	22.400 đ
ZCH086 CCPA (dây nối, 600mm)					10	28.900 đ

+ Chất liệu & màu sắc: *Trắng, vỏ đèn bằng nhựa tổng hợp nguyên khối*
+ Tính năng nâng cao: *Có thể lắp nối tiếp nhiều đèn với đầu cắm đực & cái*

LED Batten BN068C

Chất lượng sáng cao, hiệu suất vượt trội

220-240 V · 20,000 H · CRI 80

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Dài (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
BN068C LED3 L300	300	300	3000/4000/6500	3.6	24	115.700 đ
BN068C LED5 L600	600	600	3000/4000/6500	7	24	148.900 đ
BN068C LED9 L900	900	900	3000/4000/6500	10.6	24	184.200 đ
BN068C LED11 L1200	1200	1200	3000/4000/6500	14	24	218.500 đ
ZCH086 C-2 (cấp nguồn)					20	19.200 đ
ZCH086 CCPA (dây nối, 260mm)					20	22.400 đ
ZCH086 CCPA (dây nối, 600mm)					10	18.900 đ

+ Chất liệu & màu sắc: *Trắng, vỏ đèn bằng nhựa tổng hợp nguyên khối*
+ Tính năng nâng cao: *Có thể lắp nối tiếp nhiều đèn với đầu cắm đực & cái*

Bộ đèn LED **âm trần**

Thiết kế cho không gian sống hiện đại

Ưu điểm nổi bật

Phân bổ ánh sáng tối ưu
Tấm tán quang lớn giúp phân bổ ánh sáng rộng hơn, giảm chói

Phù hợp cho mọi loại trần
Thiết kế mỏng gọn nhờ bộ nguồn tích hợp cùng với đèn

Dễ lắp đặt và thay thế
Lắp đặt đơn giản chỉ với 3 bước bật, trượt và chỉnh

Ứng dụng chung

Nhà ở · Cửa hàng · Văn phòng · Khách sạn · Trường học

Smalu (5906x series)

Có thể điều chỉnh trực tiếp bằng remote

110-240 V · 20,000 H · CRI 80

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Rộng x Cao (mm)	Lỗ cắt (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
59061 Smalu 125 9W	139 x 77	125	560	3000/4000/6500	9	12	926.700 đ
59062 Smalu 125 RM 9W (có remote)	139 x 77	125	560	3000/4000/6500	9	12	1.158.200 đ

*+ **Tính năng nâng cao:** Điều khiển từ xa bằng remote, có thể gộp nhiều bộ đèn. Dễ dàng thay đổi màu ánh sáng (3 màu) và cấp độ sáng theo ý muốn. Thiết kế chắc chắn theo quy chuẩn quốc tế.*

DN027B (Tròn, lắp âm trần)

Dải công suất rộng, kiểu dáng đa dạng

IP20 · 220-240 V · 20,000 H · CRI >80

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Rộng x Cao (mm)	Lỗ cắt (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
DN027B LED3 D90 RD	115 x 33	90	300	3000/4000/6500	4	24	175.100 đ
DN027B LED6 D90 RD	115 x 33	90	600	3000/4000/6500	7	24	212.100 đ
DN027B LED6 D100 RD	125 x 33	100	600	3000/4000/6500	7	24	213.200 đ
DN027B LED6 D125 RD	150 x 33	125	600	3000/4000/6500	7	24	236.600 đ
DN027B LED9 D125 RD	150 x 33	125	900	3000/4000/6500	11	24	272.600 đ
DN027B LED12 D150 RD	175 x 33	150	1200	3000/4000/6500	15	24	343.300 đ
DN027B LED15 D175 RD	200 x 33	175	1500	3000/4000/6500	18	24	422.100 đ
DN027B LED20 D200 RD	225 x 33	200	2000	3000/4000/6500	23	24	506.700 đ

*+ **Chất liệu và màu sắc:** Thân đèn bằng kim loại sơn trắng RAL9003, nắm sau bằng nhựa PC trắng, tán quang bằng nhựa PC*
*+ **Tính năng nâng cao:** Dải công suất rộng đáp ứng mọi yêu cầu*

DN027B (Vuông, lắp âm trần)

Dải công suất rộng, kiểu dáng đa dạng

IP20 · 220-240 V · 20,000 H · CRI >80

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Rộng x Cao (mm)	Lỗ cắt (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
DN027B LED3 L100 SQ	125 x 33	100	300	3000/4000/6500	4	24	206.200 đ
DN027B LED6 L100 SQ	125 x 33	100	600	3000/4000/6500	4	24	222.700 đ
DN027B LED6 L125 SQ	150 x 33	125	600	3000/4000/6500	7	24	253.900 đ
DN027B LED9 L125 SQ	150 x 33	125	900	3000/4000/6500	11	24	276.900 đ
DN027B LED6 L150 SQ	175 x 33	150	600	3000/4000/6500	7	24	336.400 đ
DN027B LED9 L150 SQ	175 x 33	150	900	3000/4000/6500	11	24	350.300 đ
DN027B LED12 L150 SQ	175 x 33	150	1200	3000/4000/6500	15	24	360.500 đ

*+ **Chất liệu và màu sắc:** Thân đèn bằng kim loại sơn trắng RAL9003, nắm sau bằng nhựa PC trắng, tán quang bằng nhựa PC*
*+ **Tính năng nâng cao:** Dải công suất rộng đáp ứng mọi yêu cầu*

DN027C (Tròn, lắp nổi)

Dải công suất rộng, kiểu dáng đa dạng

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Rộng x Cao (mm)	Lỗ cắt (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
DN027C LED9 D150	150 x 40	150	900	3000/4000/6500	11	24	350.300 đ
DN027C LED12 D175	175 x 40	175	1200	3000/4000/6500	15	24	437.100 đ
DN027C LED15 D200	200 x 40	200	1500	3000/4000/6500	18	24	521.700 đ
DN027C LED20 D225	225 x 40	225	2000	3000/4000/6500	23	24	596.200 đ

Eridani

Mỏng gọn, giảm chói, giá cạnh tranh

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Rộng x Cao (mm)	Lỗ cắt (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
59260 ERIDANI 080 3W	92 x 42	80	200/215	3000/4000/6500	3	12	121.000 đ
59260 ERIDANI 100 5W	112 x 51	100	400/430	3000/4000/6500	5	12	142.500 đ
59260 ERIDANI 125 7.5W	137 x 52	125	600/630	3000/4000/6500	7.5	12	184.200 đ
59260 ERIDANI 150 7.5W	166 x 58	150	600/630	3000/4000/6500	7.5	12	214.200 đ
59260 ERIDANI 175 12W	191 x 60	175	900/940	3000/4000/6500	12	12	265.700 đ
59260 ERIDANI 200 14W	216 x 62	200	1200/1250	3000/4000/6500	14	12	323.500 đ

Meson (5920x series)

Ánh sáng đồng đều, giá cạnh tranh

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Rộng x Cao (mm)	Lỗ cắt (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
59200 MESON 080 3.5W	95 x 46	80	300/320	3000/4000/6500	3.5	12	121.000 đ
59201 MESON 090 5.5W	105 x 46	90	450/460	3000/4000/6500	5.5	12	142.500 đ
59202 MESON 105 7W	120 x 47	105	600/620	3000/4000/6500	7	12	184.200 đ
59203 MESON 125 10W	140 x 47	125	900/940	3000/4000/6500	10	12	214.200 đ

Marcasite (5952x & 5953x series)

Tích hợp bộ điện nhưng chỉ mỏng 29mm

Kiểu dáng: tròn/vuông

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Rộng x Cao (mm)	Lỗ cắt (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
59521 MARCASITE 100 9W (Tròn)	110 x 29	95	600/620	3000/4000/6500	9	12	206.700 đ
59522 MARCASITE 125 12W (Tròn)	135 x 29	125	900/930	3000/4000/6500	12	12	206.700 đ
59523 MARCASITE 150 14W (Tròn)	160 x 29	145	900/930	3000/4000/6500	14	12	323.500 đ
59531 MARCASITE 175 16W (Tròn)	185 x 29	170	1200/1240	3000/4000/6500	16	12	403.900 đ
59526 MARCASITE 100 SQ 9W (Vuông)	110 x 29	95	600/620	3000/4000/6500	9	12	206.700 đ
59527 MARCASITE 125 SQ 12W (Vuông)	135 x 29	120	900/930	3000/4000/6500	12	12	265.700 đ
59528 MARCASITE 150 SQ 14W (Vuông)	160 x 29	145	900/930	3000/4000/6500	14	12	323.500 đ

*+ **Tính năng nâng cao:** Siêu mỏng chỉ 29mm, driver tích hợp sẵn, dễ dàng lắp đặt, ánh sáng êm dịu, bảo vệ mắt*

Chóa đèn downlight

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước chóa Rộng x Cao (mm)	Lỗ cắt (mm)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
Chóa đèn downlight QBS022-GU5.3 WH, màu trắng	80 x 25	70	12	57.800 đ
Chóa đèn downlight QBS024-GU5.3 WH, màu trắng	85 x 25	72	12	98.500 đ
Chóa đèn downlight QBS025-GU5.3 WH, màu trắng	80 x 25	72	12	98.500 đ
Chóa đèn downlight QBS026-GU5.3 WH, màu trắng	80 x 28	70	12	106.000 đ
Chóa đèn downlight QBS027-GU5.3 WH, màu trắng	95 x 39	82	12	159.600 đ
Chóa đèn downlight QBS028-GU5.3 WH, màu trắng	95 x 32	82	12	268.900 đ
Chóa đèn downlight QBS029-GU5.3 WH, màu trắng	128 x 80	110	12	287.100 đ

Kyanite (5975x series)

Thay đổi góc chiếu linh hoạt theo 1 trục

220-240 V | 15,000 H | CRI >80

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Rộng x Cao (mm)	Lỗ cắt (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
59751 KYANITE 070 3W	82 x 73	70	190	2700/4000	3	12	144.600 đ
59752 KYANITE 070 5W	82 x 73	70	310	2700/4000	5	12	156.400 đ

+ Chất liệu và màu sắc: *Nhựa tổng hợp, trắng*

+ Tính năng nâng cao: *Đèn LED chiếu điểm có thể thay đổi được góc chiếu (theo 1 trục). Không tia cực tím, không chói và nhấp nháy*

Pomeron (5977x series)

Thay đổi góc chiếu linh hoạt theo 2 trục

220-240 V | 15,000 H | CRI >80

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Đường kính đèn Rộng x Cao (mm)	Lỗ cắt (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
59774 POMERON 070 3W (Trắng)	90 x 73	70	190	2700/4000	3	12	168.200 đ
59775 POMERON 070 5W (Trắng)	90 x 73	70	310	2700/4000	5	12	196.000 đ
59776 POMERON 070 7W (Trắng)	90 x 80	70	450	2700/4000	7	12	202.500 đ
59774 POMERON 070 3W SI (Bạc)	90 x 73	70	190	2700/4000	3	12	184.200 đ
59775 POMERON 070 5W SI (Bạc)	90 x 73	70	310	2700/4000	5	12	206.700 đ
59776 POMERON 070 7W SI (Bạc)	90 x 80	70	450	2700/4000	7	12	218.500 đ

+ Chất liệu và màu sắc: *Vành kim loại, thân nhựa tổng hợp, màu trắng/bạc*

+ Tính năng nâng cao: *Đèn LED chiếu điểm có thể thay đổi được góc chiếu (theo 2 trục). Không tia cực tím, không chói và nhấp nháy*

3182x

3336x

Bộ đèn LED **ốp trần**

Chất lượng sáng cao cho ngôi nhà bạn

Ưu điểm nổi bật

Kiểu dáng hiện đại, bề mặt ngoài trơn láng
Dễ dàng vệ sinh, chống côn trùng xâm nhập

Vật liệu chế tạo chất lượng cao
Không hiện tượng ố vàng

Vận hành bền bỉ, hiệu suất cao
Tiết kiệm 80% điện năng so với đèn dây tóc

Ứng dụng chung

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng | Khách sạn | Trường học

Bộ đèn LED ốp trần **Moire & Twirly**

3336x series & 3182x series

220-240 V | 15,000 H | CRI 80

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Rộng x Cao (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
33369 Moire LED CEILING10W	265 x 70	650	6500	10	12	311.700 đ
33362 Moire LED CEILING16W	320 x 79	1100	6500	16	6	520.700 đ
31824 Twirly LED WHT 12W	290 x 60	800	2700/6500	12	10	578.500 đ
31825 Twirly LED WHT 17W	350 x 60	1100	2700/6500	17	10	811.000 đ

Đèn LED dây

Hắt sáng hoàn hảo với LED dây Philips

Ưu điểm nổi bật

Kích thước linh hoạt, lắp đặt dễ dàng
cho trần nhà giật cấp và khe hẹp

Tuổi thọ cao
lên đến 20.000 giờ

Ứng dụng chung

Nhà ở · Cửa hàng · Khách sạn

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

20,000 H

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước Dài (m)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Điện áp (V)	Giá bán lẻ đề nghị
Dây đèn LED DLI 31059 LED tape 3000K 18W 5m	5	360	3000	18	Theo driver	972.800 đ
Dây nguồn						20.300 đ
Đầu nối						13.900 đ

Bộ đèn pha **LED** (LED floodlight)

Kiểu dáng thanh lịch, vận hành bền bỉ

myGarden BVP13x

Ưu điểm nổi bật

Thiết kế mỏng gọn với driver tích hợp
Dễ dàng lắp đặt vào các bề mặt kiến trúc

Vỏ nhôm đúc chắc chắn, tản nhiệt tốt
Kính chịu lực bảo vệ vỏ đèn khi va đập

Vận hành ổn định, tuổi thọ bền lâu
Độ kín IP65 chống bụi và thấm nước, đảm bảo an toàn khi hoạt động ngoài trời

Ứng dụng chung

Mặt tiền kiến trúc · Khu dân cư · Sân vườn · Sân thể thao mini

Đèn pha LED **myGarden** (1734x series)

Kết cấu cứng cáp, tuổi thọ cao

IP65 · 220-240 V · 20,000 H · CRI 80

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Ngang x Cao x Sâu (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
17341 Floodlight 10W	127 x 119 x 38	800	2700/4000	10	12	441.400 đ
17342 Floodlight 20W	161 x 146 x 38	1500	2700/4000	20	12	677.100 đ

+ Chất liệu & màu sắc: *Vỏ nhôm đúc, kính chịu lực, đai ốc bằng thép không gỉ*
+ Tính năng nâng cao: *Cáp nối theo tiêu chuẩn IEC, kết cấu chắc chắn, tản nhiệt tốt hơn*

Đèn pha LED **BVP13x**

Thiết kế kính đột phá cho ánh sáng xuất sắc

IP65 | 220-240 V | 15,000 H | CRI 80

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Ngang x Cao x Sâu (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
BVP131 LED8 10W	117 x 109 x 27	800	3000/4000/6500	10	12	346.000 đ
BVP132 LED16 20W	134 x 130 x 28	1600	3000/4000/6500	20	12	462.800 đ
BVP133 LED24 30W	167 x 170 x 36	2400	3000/4000/6500	30	12	811.000 đ
BVP135 LED40 50W	222 x 240 x 38	4000	3000/4000/6500	50	12	1.042.400 đ

+ Chất liệu & màu sắc: *Vỏ nhôm đúc, tấm tán quang lớn phủ toàn bộ bề mặt*

+ Tính năng nâng cao: *Khớp định hướng giúp điều chỉnh góc chiếu chính xác, mặt kính bên trong với thiết kế tổ ong cho ánh sáng đồng đều, giảm chói*

Đèn pha cao áp **ConTempo**

Bộ đèn tích hợp

Ưu điểm nổi bật

Thiết kế nhôm đúc chắc chắn
với lớp phủ chống ăn mòn

Sản phẩm đã qua kiểm nghiệm nghiêm ngặt
về chống thấm nước và chống ăn mòn

Tiết kiệm điện năng
Tích hợp tăng phô, tụ điện và kích điện

Ứng dụng chung

Mặt tiền kiến trúc | Khu công nghiệp | Sân thể thao | Bảng hiệu quảng cáo

IP65 | 220V 50Hz | 15,000 H

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn Ngang x Cao x Sâu (mm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
Đèn pha cao áp đối xứng					
RVP350 HPI-TP250W K IC S SP	471 x 510 x 170	Trắng	250	1	4.312.400 đ
RVP350 HPI-TP400W K IC S SP	473 x 510 x 170	Trắng	400	1	4.692.800 đ
RVP350 SON-T250W K IC S SP	475 x 510 x 170	Vàng	250	1	4.420.700 đ
RVP350 SON-T400W K IC S SP	477 x 510 x 170	Vàng	400	1	5.530.700 đ
Đèn pha cao áp bất đối xứng					
RVP350 HPI-TP250W K IC A SP	470 x 458 x 170	Trắng	250	1	4.341.400 đ
RVP350 HPI-TP400W K IC A SP	471 x 458 x 170	Trắng	400	1	4.721.700 đ
RVP350 SON-T250W K IC A SP	472 x 458 x 170	Vàng	250	1	4.449.600 đ
RVP350 SON-T400W K IC A SP	473 x 458 x 170	Vàng	400	1	5.537.100 đ

Bóng huỳnh quang **compact**

Thay thế đèn dây tóc, an toàn và tiết kiệm

Ưu điểm nổi bật

Nhỏ gọn hơn, sáng hơn
với công nghệ đỉnh tăng cường độ sáng

Tương thích điện từ EMC
Giảm nhiễu điện từ lên thiết bị điện tử khác khi hoạt động

Tiết kiệm đến 80% điện năng
so với bóng dây tóc

Ứng dụng chung

Nhà ở · Cửa hàng · Văn phòng

Trường học · Khách sạn

Các sản phẩm đang được ưa chuộng

Genie | Essential | Tornado

NHÃN NĂNG LƯỢNG
NHIỀU SAO HƠN - TIẾT KIỆM HƠN
HÃNG SẢN XUẤT: PHILIPS
TIÊU CHUẨN VIỆT NAM: TCVN 7896:2015
BỘ CÔNG THƯƠNG
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Đỉnh tăng cường độ sáng

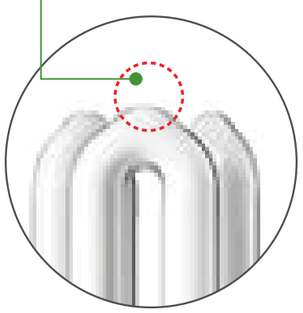

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

220-240 V · 8,000 H · E27

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
Genie					
GENIE 5W E27	250	2700/6500	5	12	57.800 đ
GENIE 11W E27	580/600	2700/6500	11	12	68.500 đ
GENIE 14W E27	760/810	2700/6500	14	12	72.800 đ
Essential					
ESSENTIAL 8W E27	430	2700/6500	8	12	50.300 đ
ESSENTIAL 18W E27	1100	2700/6500	18	12	82.500 đ
ESSENTIAL 23W E27	1400	2700/6500	23	12	85.700 đ
Tornado					
TORNADO 12W E27	685/725	2700/6500	12	12	76.000 đ
TORNADO 15W E27	900/950	2700/6500	15	12	90.000 đ
TORNADO 20W E27	1250/1350	2700/6500	20	12	91.000 đ
TORNADO 24W E27	1450/1550	2700/6500	24	12	92.100 đ

Bóng tuýp **huỳnh quang**

Sáng hơn với chất lượng ánh sáng chuẩn

Ưu điểm nổi bật

Tiết kiệm 10% điện năng
so với bóng huỳnh quang thông thường

Sáng hơn 30%
Độ trung thực màu sắc cao
(bóng tuýp huỳnh quang T8 siêu sáng)

Ứng dụng chung

Nhà ở · Cửa hàng · Văn phòng · Trường học · Khách sạn · Khu công nghiệp

Các sản phẩm đang được ưa chuộng

Bóng tiêu chuẩn

Tuổi thọ đến 13.000 giờ

Bóng siêu sáng

Tuổi thọ đến 15.000 giờ, sáng hơn 30%

Bóng T5 Essential

Tuổi thọ 8.000 giờ. Nhỏ hơn 40%, tiết kiệm hơn 30% điện năng

Tiết kiệm Năng lượng

Chứng nhận tiết kiệm năng lượng của Bộ Công Thương

Sử dụng tăng phô điện tử không hiện tượng nhấp nháy

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

220-240 V

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng Dài (mm)	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
T8 tiêu chuẩn						
TL-D 18W/54-765 1SL/30	600	1050	6500	18	30	**20.000 đ**
TL-D 36W/54-765 1SL/30	1200	2500	6500	36	30	**22.300 đ**
T8 siêu sáng						
TL-D Super 80 Brightboost 18W 1SL/25	600	1300/1350	3000/4000/6500	18	25	**29.700 đ**
TL-D Super 80 Brightboost 36W 1SL/25	1200	3050/3250	3000/4000/6500	36	25	**42.300 đ**
T5 Essential						
TL5 Essential 14W	600	1260/1350	3000/4000/6500	14	40	**40.100 đ**
TL5 Essential 28W	1200	2700/2900	3000/4000/6500	28	40	**43.800 đ**

SON

SON-T

Bóng cao áp **Sodium**

Hiệu suất cao, tuổi thọ bền lâu

Ưu điểm nổi bật

Tuổi thọ đèn cao
lên đến 28.000 giờ

Duy trì quang thông cao
Hiệu suất phát sáng lên đến 120lm/W

Thân thiện với môi trường

Ứng dụng chung

Đường phố · Khu dân cư · Khu thương mại

Khu công nghiệp · Khu thể thao giải trí

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

28,000 H

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Điện áp (V)	Chuôi đèn	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
SON 50W	3500	Vàng	50	Theo tăng phô	E27	24	219.600 đ
SON 70W	5600	Vàng	70	Theo tăng phô	E27	24	276.400 đ
SON 100W (xuất xứ châu Âu)	8700	Vàng	100	Theo tăng phô	E40	12	403.900 đ
SON 150W	14500	Vàng	150	Theo tăng phô	E40	12	291.400 đ
SON 250W	27000	Vàng	250	Theo tăng phô	E40	12	318.200 đ
SON 400W	48000	Vàng	400	Theo tăng phô	E40	12	431.700 đ
SON-T 70W	6000	Vàng	70	Theo tăng phô	E27	12	206.700 đ
SON-T 100W	9000	Vàng	100	Theo tăng phô	E40	12	206.700 đ
SON-T 150W	15000	Vàng	150	Theo tăng phô	E40	12	229.200 đ
SON-T 250W	28000	Vàng	250	Theo tăng phô	E40	12	252.800 đ
SON-T 400W	48000	Vàng	400	Theo tăng phô	E40	12	275.300 đ
SON-T 1000W	130000	Vàng	1000	Theo tăng phô	E40	4	1.609.200 đ

HPI-T

HPI Plus

Bóng cao áp **Metal**

Hiệu quả chiếu sáng cao

Ưu điểm nổi bật

Độ an toàn cao
Duy trì độ ổn định lâu dài

Tiết kiệm điện năng
mà vẫn đảm bảo cải thiện chất lượng sáng

Tương thích với 2 loại tăng phô
Dễ lắp đặt

Ứng dụng chung

Khu thương mại · Nhà ga · Khu công nghiệp

Sân bay · Bến cảng

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

20,000 H

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Độ sáng (lm)	Màu ánh sáng (K)	Công suất (watt)	Điện áp (V)	Đuôi đèn	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
HPI-T 1000W/543	50000	Trắng	1000	Theo tăng phô	E40	4	2.299.200 đ
MASTER HPI-T Plus 250W/645	18000	Trắng	250	Theo tăng phô	E40	12	482.100 đ
MASTER HPI-T Plus 400W/645	35000	Trắng	400	Theo tăng phô	E40	12	482.100 đ
MASTER HPI Plus 250W/645 BU	18000	Trắng	250	Theo tăng phô	E40	12	526.000 đ
MASTER HPI Plus 400W/645 BU	30000	Trắng	400	Theo tăng phô	E40	6	526.000 đ
MASTER HPI Plus 250W/667 BU	18000	Trắng	250	Theo tăng phô	E40	12	526.000 đ
MASTER HPI Plus 400W/667 BU	30000	Trắng	400	Theo tăng phô	E40	6	526.000 đ
HPI PLUS 250W /645 BU-P	18000	Trắng	250	Theo tăng phô	E40	12	621.400 đ

Tăng phô

cho bóng huỳnh quang T5 & T8

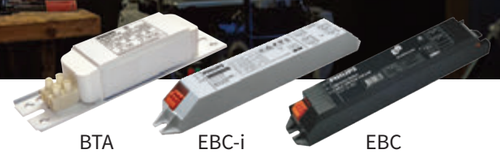

BTA EBC-i EBC

Ưu điểm nổi bật

Tiết kiệm 30% điện năng
Tỏa nhiệt thấp

Tuổi thọ cao
Khởi động tức thì

Dễ lắp đặt và sử dụng
Không cần chuột

Ứng dụng chung

- 1 tăng phô dùng cho 1 đến 2 bóng TL5 công suất 14W hoặc 28W
- 1 tăng phô dùng cho 1 đến 2 bóng TL8 công suất 36W, hoặc 1 đến 4 bóng 18W
- 1 tăng phô dùng cho bóng TL8 công suất 18W hoặc 36W

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Công suất (watt)	Điện áp (V-Hz)	Đóng gói (đèn/thùng)	Ghi chú	Giá bán lẻ đề nghị
Tăng phô điện tử bóng EB-C 118/136 EP	18/36	220-230	50		93.200 đ
Tăng phô điện tử bóng BTA 18W/36W	18/36	220-230	32		93.200 đ
Tăng phô điện tử bóng EB-Ci 1-2 14-28W	14/28	220-240/50-60	30	dùng cho bóng T5: 1 và 2 bóng 14W hoặc 28W	183.200 đ
Tăng phô điện tử bóng EB-Ci 1-2 36W / 1-4 18W	18/36	220-240/50-60	30	dùng cho bóng T8: 1 và 2 bóng 36W hoặc 1 đến 4 bóng 18W	183.200 đ

Chuột đèn **huỳnh quang**

220–240 V

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Điện áp xung tối thiểu (V)	Điện áp thấp nhất không tự đóng lại (V)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
S10-P 4-65W SIN 220-240V BL/20X25CT	900	140		10.500 đ
S2-P 4-22W SER 220-240V BL UNP/20X25BOX	900	140		10.500 đ

Biến áp

cho đèn LED & Halogen

Dimmable LED

Economic LED

Halogen ET-E

LED ET-E

Biến áp điện tử **đèn LED**

Thông số kỹ thuật & giá bán lẻ

220–240 V

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
Economic LED Transformer 30W 24VDC	30	50	277.500 đ
Economic LED Transformer 60W 24VDC	60	20	387.800 đ
Economic LED Transformer 120W 24VDC	120	20	633.200 đ
Economic LED Transformer 180W 24VDC	180	12	1.076.700 đ
Dimmable LED Transformer 75W 24VDC Có chức năng dimmable	75	20	1.635.000 đ
Dimmable LED Transformer 150W 24VDC Có chức năng dimmable	150	10	2.646.400 đ

Biến áp điện tử **đèn LED**

220–240 V

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
Biến áp điện tử đèn LED ET-E 10 LED	48	92.100 đ
Biến áp điện tử đèn LED ET-S 15 LED	50	175.700 đ
Biến áp điện tử đèn LED ET-S 30	50	215.300 đ

Biến áp **đèn Halogen**

220–240 V

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
Biến áp đèn Halogen ET-E 60	48	102.800 đ
Biến áp đèn Halogen ET-S 150	50	309.600 đ
Biến áp đèn Halogen MT-S 50	24	225.000 đ

Bộ điện **đèn cao áp**

Tăng phô

Tụ

Kích

Ưu điểm nổi bật

- **An toàn, dễ lắp đặt**
- **Chất lượng được chứng nhận**

Tăng phô điện từ đèn cao áp **Mercury/Metal halide BHL**

Thông số kỹ thuật & **giá bán lẻ**

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Công suất (watt)	Điện áp (V)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
BHLE 250L 200 TS (lõi nhôm)	250	220	6	441.400 đ
BHLE 400L 200 TS (lõi nhôm)	400	220	6	490.700 đ
BHL 80L 200 (lõi đồng)	80	220	6	309.600 đ
BHL 250L 200 (lõi đồng)	250	220	6	627.800 đ
BHL 400L 200 (lõi đồng)	400	220	6	755.300 đ
BHL 1000L 202 (lõi đồng)	1000	220	1	2.990.300 đ

Tăng phô điện từ đèn cao áp **Sodium/Metal halide CWA**

Thông số kỹ thuật & **giá bán lẻ**

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Công suất (watt)	Điện áp (V)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề nghị
BSN 70L 300 I (lõi đồng)	70	220	6	333.200 đ
BSN 100L 300 I (lõi đồng)	100	220	6	352.400 đ
BSN 150L 300I TS (lõi đồng)	150	220	6	531.400 đ
BSN 250L 300I TS (lõi đồng)	250	220	6	696.400 đ
BSN 400L 300I TS (lõi đồng)	400	220	4	1.236.400 đ
BSNE 50L 300 ITS (lõi nhôm)	50	220	6	292.500 đ
BSNE 70L 300 ITS (lõi nhôm)	70	220	6	292.500 đ
BSNE 100L 300 ITS (lõi nhôm)	100	220	6	392.100 đ
BSNE 150L 300I TS (lõi nhôm)	150	220	6	451.000 đ
BSNE 250L 300I TS (lõi nhôm)	250	220	6	529.200 đ
BSNE 400L 300I TS (lõi nhôm)	400	220	4	903.200 đ
BSN 1000L 02 (lõi đồng)	1000	230	1	4.641.400 đ
BSN 1000L 302I (lõi đồng)	1000	230	1	2.987.100 đ
CWA 1000W (lõi nhôm)	1000	220	2	2.140.700 đ

Kích **đèn cao áp**

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Giá bán lẻ đề nghị
Kích đèn cao áp SI 51 PLUS IGNITOR Dùng với tăng phô BHL 70W-400W	94.200 đ
Kích đèn cao áp SI 52 Dùng cho Metal 1000W	130.700 đ
Kích đèn cao áp SN 56 IGNITOR Dùng cho Sodium 1000W	320.300 đ
Kích đèn cao áp SN 57 Dùng cho SON 50W - 70W	103.900 đ
Kích đèn cao áp SN 58 Dùng với tăng phô BSN, 100W-400W	106.000 đ
Kích đèn cao áp SN 58 T15 Dùng với tăng phô BSN, 100W-400W	184.200 đ

Tụ điện **đèn cao áp**

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Giá bán lẻ đề nghị
Tụ điện CP 12BO28	68.500 đ
Tụ điện CP18BU28	97.400 đ
Tụ điện CP 32CT28	151.000 đ
Tụ điện CP36FO28	165.000 đ
Tụ điện CA 50FT28	234.600 đ
Tụ điện CWACAP30	413.500 đ

Đèn bàn **Philips LED LeverPlus** 66048

Linh hoạt điều chỉnh độ sáng và hướng chiếu

Philips LeverPlus cho phép tăng/giảm độ sáng liên tục bằng nút xoay dưới chân đèn để có được mức sáng tối ưu cho 4 ngữ cảnh chiếu sáng tiêu biểu: Nghỉ ngơi, Làm việc trên máy tính, Đọc sách thư giãn và Học tập. Cấu trúc xoay 4 chiều giúp linh hoạt điều chỉnh hướng chiếu.

Ưu điểm nổi bật

Công nghệ LED tích hợp
Nguồn sáng trực tiếp với 87 chùm tia LED lớn cung cấp độ sáng cao

Thiết kế chóa lưới lục giác tổ ong HoneyComb
phân bổ ánh sáng đồng đều, giảm chói

Linh hoạt điều chỉnh hướng chiếu
với cổ đèn xoay 4 chiều và chụp đèn xoay 180°

Không phát ánh sáng xanh
tuân thủ theo chuẩn test IEC 62778

Giá bán lẻ đề nghị: **1.450.000 đ**

Thông số kỹ thuật

Màu sắc	Trắng, phủ bóng
Chất liệu	Nhựa tổng hợp
Công suất	Tích hợp chip LED 5.2 W (87 LED X 0.06 W)
Kích thước	40.8 x 16 x 440 cm

Đèn bàn **Philips LED Compass** 66045

Ánh sáng dịu mắt

Philips COMPASS cung cấp ánh sáng êm dịu cho mắt, giúp bạn dễ dàng vượt qua một ngày làm việc dài mệt mỏi. Trải nghiệm với ba mức độ sáng tiện nghi và linh hoạt điều chỉnh hướng sáng.

Ưu điểm nổi bật

Công nghệ LED tích hợp
Cung cấp độ sáng cao hơn, công suất chỉ 4.8W

Điều khiển 3 mức độ sáng cảm ứng

Linh hoạt điều chỉnh hướng chiếu

Không phát tia UV, không ánh sáng xanh (blue light)
Tuân thủ theo chuẩn test IEC 62778

Giá bán lẻ đề nghị: **1.150.000 đ**

Thông số kỹ thuật

Màu sắc	Trắng/ Xanh lá/ Xanh da trời
Chất liệu	Sợi tổng hợp/Vỏ nhôm cao cấp
Công suất	Tích hợp chip LED 4.8W
Màu sắc ánh sáng	Ánh sáng trắng
Tuổi thọ đèn	Tuổi thọ 10 năm (trung bình 4 giờ sử dụng/ngày)
Kích thước	16.4 x 30.4 x 38.1 cm

Đèn bàn **Philips LED Donut** 66109

Bạn đồng hành khi học tập và đọc sách

Philips Donut cho hiệu ứng ánh sáng tinh tế, là bạn đồng hành khi học tập và đọc sách. Đèn có nút cảm ứng điều chỉnh 4 cấp độ sáng với chóa xoay dễ dàng chỉnh hướng chiếu. Thiết kế nguồn sáng đặc biệt dạng xoáy cho hiệu suất phát sáng cao trên diện tích rộng hơn.

Ưu điểm nổi bật

Công nghệ LED tích hợp
Chùm tia khuếch tán cung cấp độ sáng cao

Điều khiển 4 mức độ sáng thuận tiện
bằng nút cảm ứng

Linh hoạt điều chỉnh hướng chiếu
với thân đèn có thể bẻ cong và chụp đèn có thể xoay

Không phát ánh sáng xanh
tuân thủ theo chuẩn test IEC 62778

Giá bán lẻ đề nghị: **850.000 đ**

Thông số kỹ thuật

Màu sắc	Phủ bóng/ Đen antraxit & trắng
Chất liệu	Nhựa tổng hợp
Công suất	Tích hợp chip 4.2 W (20 LED x 0.21 W)
Kích thước	39.6 x 13.9 x 32 cm

Đèn bàn **Philips LED Kapler** 66027

Ánh sáng khuyếch tán tối ưu

Philips KAPLER kết hợp kiểu dáng phong cách nhưng vẫn giữ những đường nét cơ bản và gần gũi. Đem đến cho đôi mắt bạn một trải nghiệm êm dịu với ánh sáng khuếch tán tối ưu, cùng khả năng tiết kiệm điện của đèn.

Ưu điểm nổi bật

Ánh sáng khuếch tán

Linh hoạt điều chỉnh hướng chiếu

Không phát ra tia UV

Giá bán lẻ đề nghị: **765.000 đ**

Thông số kỹ thuật

Màu sắc	Trắng/Xám
Chất liệu	Nhựa tổng hợp
Công suất	Tích hợp chip LED 4.6W
Kích thước	15.5 x 28.3 x 36.5 cm

Đèn bàn **Philips LED Jabiru** 66016/93/P3

Bật/tắt công tắc thay đổi độ sáng

Khám phá những khả năng bất tận của dòng đèn bàn LED Jabiru với độ linh hoạt cực cao, cho phép bạn điều chỉnh độ sáng đến mức hoàn hảo, hoặc điều chỉnh độ cao và khoảng cách của đèn để có được trải nghiệm ánh sáng xuất sắc trên bàn làm việc.

Giá bán lẻ đề nghị: **699.000 đ**

Ưu điểm nổi bật

Công nghệ LED tích hợp
Cung cấp độ sáng cao hơn, công suất chỉ 4.5W

Điều khiển 4 mức độ sáng
bằng công tắc bật/tắt

Linh hoạt điều chỉnh hướng chiếu

Không ánh sáng xanh (blue light)
Tuân thủ theo chuẩn test IEC 62778

Thông số kỹ thuật

Màu sắc	Trắng/ Đen
Chất liệu	Nhựa tổng hợp
Công suất	Đèn LED 4.5W
Màu sắc ánh sáng	Ánh sáng trắng
Tuổi thọ đèn	Tuổi thọ 10 năm (trung bình 4 giờ sử dụng/ngày)

Đèn bàn **Philips LED CAP** 70023

Kiểu dáng hoài cổ, chất lượng đáng tin cậy

Dễ dàng điều chỉnh hướng chiếu với cổ ngỗng linh hoạt và chóa quang phẳng, Philips CAP cung cấp cho bạn ánh sáng phù hợp với nhu cầu. Kim loại chất lượng cao tản nhiệt tốt giúp kéo dài tuổi thọ chip LED.

Giá bán lẻ đề nghị: **760.000 đ**

Ưu điểm nổi bật

Công nghệ LED tích hợp
Tuổi thọ bền lâu

Linh hoạt điều chỉnh hướng chiếu
với cổ ngỗng linh hoạt

Không phát tia UV
An toàn cho mắt

Thông số kỹ thuật

Màu sắc	Bạc/đen
Chất liệu	Nhựa tổng hợp
Công suất	Tích hợp chip LED 3.6 W
Kích thước	37 x 15.5 x 26 cm

Đèn bàn **Philips FDS** 500

Chăm sóc, bảo vệ mắt

Giá bán lẻ đề nghị: **720.000 đ**

Ưu điểm nổi bật

Tiết kiệm 80% điện năng
so với các đèn bàn thông thường

Linh hoạt điều chỉnh hướng chiếu
với cổ ngỗng linh hoạt

Không bị chói và nhấp nháy
Bảo vệ mắt

Thông số kỹ thuật

Màu sắc	Xám bạc
Chất liệu	Kim loại
Công suất	Kèm bóng tiết kiệm điện 11W
Kích thước	38 x 18 x 39 cm

Đèn bàn **Philips Pear**

Chất lượng sáng cao, êm dịu cho mắt

EyeComfort

Ưu điểm nổi bật

Tiết kiệm 80% điện năng
khi sử dụng bóng Philips LED

Chụp đèn tập trung nguồn sáng tốt

Cổ ngỗng dễ dàng điều chỉnh góc chiếu

Giá bán lẻ đề nghị: **550.000 đ**

Thông số kỹ thuật

Màu sắc	Xanh lá/Tím
Chất liệu	Nhựa tổng hợp
Công suất	6W (Tặng kèm bóng Philips MyCare)
Tuổi thọ đèn	Tuổi thọ 10 năm (trung bình 4 giờ sử dụng/ngày)
Kích thước	10 x 27.4 x 37.2 cm

Đèn bàn **Philips LED Pearl**

Tích hợp LED, không cần thêm bóng

LED

Ưu điểm nổi bật

Công nghệ LED tích hợp
Cung cấp độ sáng cao hơn

Chụp đèn tập trung nguồn sáng tốt

Cổ ngỗng dễ dàng điều chỉnh góc chiếu

Giá bán lẻ đề nghị: **750.000 đ**

Thông số kỹ thuật

Màu sắc	Xanh lá/Tím
Chất liệu	Nhựa tổng hợp
Công suất	2.6W
Tuổi thọ đèn	Tuổi thọ 10 năm (trung bình 4 giờ sử dụng/ngày)
Kích thước	10 x 30 x 40 cm

Cách 1: Tìm ngay từ khóa **"Philips VN"**

Cách 2: Scan ngay mã **"QR code"** như sau:

ANDROID APP ON Google play

Download on the App Store

Công ty TNHH Điện tử Philips Việt Nam

Phòng R301, Tòa nhà Trung tâm Dịch vụ Amata, KCN Amata, P. Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
☎ : (842 51) 3991.613 | Fax: (842 51) 3991.618

Văn phòng TP.HCM
Tầng 12, Tòa nhà A&B, 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1
☎ : (028) 6284 7889

Website: **https://www.signify.com/vi-vn**

: Philips Lighting Vietnam